|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOSố: 1763/GDĐT-KHTC | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Về thực hiện xây dựng Báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025. | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2020* |

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các quận, huyện

 Thực hiện Công văn số 4542/VP-VX ngày 03/6/2020 của Ủy ban Nhân dân Thành phố về xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán ngân sách lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện chỉ đạo Phòng giáo dục và đào tạo phối hợp với các ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo và dự toán ngân sách lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 của quận, huyện với các nội dung như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 và ước thực hiện kế hoạch 2020 và tình hình thực hiện thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2025

1. Đánh giá chung tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Tóm tắt tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020 của quận, huyện có ảnh hưởng đến phát triển giáo dục, nhất là nguồn lực thực hiện (*thuận lợi, khó khăn; cân đối thu, chi ngân sách, tỷ lệ ngân sách chi cho giáo dục trên tổng chi ngân sách địa phương...).* Trong đó đặc biệt lưu ý đánh giá về tác động ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 đối với lĩnh vực giáo dục.

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2019, ước thực hiện năm 2020 và tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 *(**Tại mỗi nội dung dưới đây đề nghị báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2019 so với dự toán/kế hoạch được giao, ước thực hiện năm 2020 và đánh giá tình hình thực hiện năm 2020 so với dự toán/kế hoạch được giao, so với năm 2019; đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2016-2020 so với giai đoạn 2011-2015*)

2.1. Đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- Chỉ tiêu chủ yếu theo hệ thống chỉ tiêu kinh tế-xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 của địa phương; các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố liên quan đến giáo dục đào tạo; chỉ tiêu đặc thù do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân quận, huyện giao.

- Đánh giá chung tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển giáo dục, đào tạo *(số lượng, chất lượng của các bậc học từ mầm non đến Trung học)*; Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu trong năm học 2019-2020 so với năm học trước và tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2016-2020 so sánh với giai đoạn trước *(trong đó ngoài đánh giá các chỉ tiêu về số lượng (quy mô, số trường, số lớp,..) cần đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu chất lượng giáo dục ở các bậc học (tỷ lệ nhập học, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn; tỷ lệ trường đạt chuẩn;....)*

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2019-2020 và giai đoạn 2016-2020

*2.2.1. Đối với những nhiệm vụ trọng tâm (Đánh giá tình hình thực hiện theo các nội dung: kết quả thực hiện; hạn chế, tồn tại, khó khăn; kiến nghị và đề xuất*).

a) Về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, quy mô học sinh, cơ cấu trình độ (*mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp*): Đánh giá kết quả, thuận lợi, khó khăn trong việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh, triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, số trường...

b) Tình hình phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (thuận lợi, khó khăn; thừa, thiếu, cơ cấu trình độ giáo viên theo cấp học, trình độ đào tạo và giải pháp khắc phục; việc xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; việc tổ chức rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực đội ngũ ngành giáo dục tại địa phương; việc triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục; việc tham mưu với Ủy ban nhân dân có các chính sách ưu đãi đối với đội ngũ nhà giáo...)

c) Công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông: Đánh giá chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo; chất lượng giáo dục đối với học sinh học 2 buổi/ngày; công tác phổ cập giáo dục, chống mù chữ; tình trạng học sinh bỏ học; đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS);

d) Nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học ngoại ngữ (Đánh giá việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh trung học; đổi mới hình thức tổ chức dạy học, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học gắn với sản xuất kinh doanh; đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, kết hợp đánh giá thường xuyên với đánh giá định kỳ, cho điểm và nhận xét, đánh giá qua các sản phẩm học tập của học sinh); Đánh giá các giải pháp nâng cao chất lượng dạy - học ngoại ngữ;

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục: Đánh giá các điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục; tình hình tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên mạng; công tác tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện các văn bản về công nghệ thông tin của Sở, Thành phố; tình hình chỉ đạo và sử dụng sổ sách điện tử trong các nhà trường; tổ chức họp giao ban, hội thảo, giảng dạy, tập huấn qua mạng giáo dục; công tác bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; công tác đầu tư hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục; triển khai kết nối internet,...

e) Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo: Đánh giá mô hình giáo dục trường tiên tiến, chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, kiểm tra, đánh giá học sinh thí điểm tại địa phương; tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình xây dựng đổi mới chương trình (*nếu có*)...........

f) Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục: Đánh giá việc đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

2.2.2. Đối với 05 giải pháp

Đánh giá việc triển khai các nội dung liên quan đến giáo dục ở các cấp học từ các giải pháp *(nêu rõ kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân).*

a) Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo: Việc chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý và cải cách thủ tục hành chính ở các cơ sở giáo dục...

b) Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp: Đánh giá việc bồi dưỡng năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý…

c) Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo: giải pháp thu hút, tăng cường các nguồn lực cho giáo dục và đào tạo; công tác xã hội hóa giáo dục.

d) Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục: Việc đổi mới phương pháp, hình thức đánh giá kết quả giáo dục của học sinh; công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.

đ) Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục: Đánh giá việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới giáo dục và đào tạo nhằm tạo động lực cho cán bộ quản lý, giáo viên và đồng thuận của phụ huynh học sinh, cộng đồng trong phát triển giáo dục ở địa phương.

2.2.3. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với học sinh, học viên; chính sách đối với giáo viên; chính sách đối với cơ sở giáo dục*;* các nội dung về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính giáo dục: Phân bổ ngân sách, đào tạo giáo viên, đặt hàng giao nhiệm vụ…; chính sách đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập trực thuộc quận, huyện quản lý; hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; các vướng mắc hiện nay kiến nghị sửa đổi *(khâu ban hành, khâu thực hiện…)*

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và giai đoạn 2016-2020. (*Tại mỗi nội dung dưới đây đề nghị báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2019 so với dự toán/kế hoạch được giao, ước thực hiện năm 2020 và đánh giá tình hình thực hiện năm 2020 so với dự toán/kế hoạch được giao, so với năm 2019; đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2016-2020 so với giai đoạn 2011-2015*)

3.1. Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách chi thường xuyên; định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên/học sinh công lập; tỷ lệ chi giảng dạy học tập so với tổng chi sự nghiệp giáo dục*;* Đánh giá việcthực hiện xã hội hóa giáo dục *(thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được và đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung chính sách hiện hành)*.

3.2. Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục (*chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ….; chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 05năm 2017 của Chính phủ.*..)

3.3. Về các chương trình, dự án do ngân sách Trung ương hoặc Thành phố hỗ trợ: (*nếu có*)

- Đánh giá tình hình thực hiện, thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai các chương trình, dự án, đề án tại địa phương, kết quả đạt được so với nhiệm vụ được giao cả giai đoạn khi kết thúc Chương trình, dự án, đề án theo lộ trình *(Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững; các chương trình, dự án ODA, NGO mà địa phương được thụ hưởng);* Trách nhiệm bố trí vốn đốiứng và tiến độ giải ngân các nguồn vốn của địa phương;

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công theo Luật đầu tư công; tiến độ thực hiện các công trình, dự án thuộc nguồn vốn địa phương *(khó khăn, thuận lợi trong việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học);*

3.4. Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi 05 năm giai đoạn 2016 – 2020, trong đó tập trung vào kết quả thực hiện các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, đánh giá phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu nguồn thu năm 2020, nguyên nhân khách quan, chủ quan.

4. Đánh giá chung tác động ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 đối với giáo dục tại địa phương

II. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo 5 năm 2021-2025

1. Căn cứ, định hướng xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025;

 - Căn cứ vào các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các điều kiện thực tế, địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025;

- Căn cứ tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo của quận, huyện năm 2020, triển khai xây dựng kế hoạch năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 cần đảm bảo tính bao quát, khả thi, gắn với nguồn lực để thực hiện, là công cụ quan trọng để quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL; nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp;

- Luật giáo dục 2019: NSNN bảo đảm tối thiểu 20% chi cho giáo dục.

 1.3. Định hướng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục, đào tạo năm 2021và định hướng xây dựng kế hoạch 5 năm 2021-2025.

Năm 2021, là năm bản lề thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) và Chiến lược phát triển giáo dục 10 năm 2021-2030, ngành giáo dục cần tập trung đánh giá, nhận định phân tích những thuận lợi, khó khăn, thách thức; tác động của kinh tế - xã hội đến thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển giáo dục, đào tạo; tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế; chuẩn bị và thực hiện các điều kiện triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội tốt nhất; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh Đổi mới công tác quản lý, tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập; tăng cường an ninh, an toàn trong trường, lớp học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; Tiếp tục sắp xếp, xử lý hiệu quả vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Thực hiện các chính sách phát triển giáo dục đào tạo cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số (*nếu có*) và đối tượng chính sách; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục, nhất là trường ngoài công lập; tập trung xây dựng và phát triển đổi ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; tiếp tục rà soát và điều chỉnh quy hoạch lại mạng lưới các trường học;

2. Yêu cầu đối với xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025

- Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển giáo dục, đào tạo được đưa ra tại các nghị quyết, kết luận của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và giai đoạn 5 năm 2021-2025, các nghị quyết của Chính phủ, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trong điều hành và thực hiện kế hoạch hằng năm;

- Bảo đảm tính khách quan, sát thực tiễn, gắn với đánh giá chung của giai đoạn 5 năm 2016-2020 và có sự so sánh với kết quả thực hiện của năm trước, giai đoạn trước;

- Các mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển giáo dục, đào tạo phải đảm bảo tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối nguồn lực và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

- Thực hiện lồng ghép các chỉ tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Kế hoạch của địa phương được phê duyệt vào quá trình xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 của các địa phương

3. Nội dung xây dựng Kế hoạch

2.1. Trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu của địa phương đặt ra trong kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025:

Lựa chọn các mục tiêu chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch và sắp xếp theo thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch;

2.2. Xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của các cấp học của địa phương, của ngành năm học 2020-2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025.

2.2.1. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và 5 giải pháp của ngành

2.2.2. Định hướng về các nhiệm vụ, giải pháp để chuẩn bị cho xây dựng Chỉ thị năm học 2019-2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch 5 năm 2021-2025 *(ngoài các nhiệm vụ và 05 giải pháp trọng tâm của ngành).*

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ chủ yếu đề ra, các địa phương cần cụ thể hóa các giải pháp, chính sách để thực hiện thành công kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025.

2.3. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách năm 2021

a) Xây dựng dự toán thu: Đối với khoản thu học phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Báo cáo thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

b)  Đối với dự toán chi: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục; cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2020, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán; xây dựng dự toán kinh phí thực hiện đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông theo lộ trình.

2.4. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách 5 năm 2021-2025

Thực hiện đúng Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC).

2.5. Kiến nghị: Đề xuất các kiến nghị với Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở ngành Thành phố.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo Phòng giáo dục và đào tạo và các ban ngành liên quan xây dựng báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 để phục vụ cho việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch phát triển giáo dục toàn ngành và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025. Báo cáo kèm theo biểu mẫu đề nghị gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (*Phòng Kế hoạch - Tài chính, số 66-68 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1 và file báo cáo qua email:* *ddduc.sgddt@tphcm.gov.vn* *)* trước ngày 30/6/2020 để tổng hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*- Như trên;- Giám đốc SGD&ĐT(để báo cáo);- Ban Giám đốc;- UBND quận, huyện (để thực hiện);- Các Sở, ngành (để phối hợp);- Lưu: VT, KHTC. |  KT.GIÁM ĐỐCPHÓ GIÁM ĐỐC  *(đã ký)*Lê Hoài Nam  |